

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LÂM HÀ
TỈNH LÂM ĐỒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 109/2024/DS-ST
Ngày: 12/9/2024
V/v Tranh chấp về hợp
đồng tín dụng.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LÂM HÀ, TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trịnh Đoàn Hạnh Trang

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hoàng Sỹ Lĩnh

Ông Phạm Ngọc Diện

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Khắc Duy – Thư ký Tòa án nhân dân
huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng tham
gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hằng – Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lâm Hà, tỉnh
Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 123/2024/TLST-DS ngày 30
tháng 5 năm 2024 về việc “Tranh chấp về hợp đồng tín dụng” theo Quyết định
đưa vụ án ra xét xử số 151/2024/QĐXXST-DS ngày 27 tháng 8 năm 2024 của
Tòa án nhân dân huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP V

Địa chỉ trụ sở: Số H L, phường L, quận Đ, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Chí D – Chủ tịch Hội đồng quản
trị.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Đỗ Thành T – Chức vụ: Phó Giám
đốc khối pháp chế và kiểm soát tuân thủ, V1 Hội sở.

Người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng: Ông Nguyễn Hoàng G,
sinh năm: 1988.

Địa chỉ liên lạc: Số C P, phường A, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng.

- **Bị đơn:** Vợ chồng ông **Bùi Nguyên B**, sinh năm: 1976

Bà **Vày Sí P**, sinh năm: 1981

Địa chỉ: **Thôn T, xã L, huyện L, tỉnh Lâm Đồng.**

(*Tại phiên tòa, ông **Nguyễn Hoàng G** có mặt. Ông **Bùi nguyên B1**, bà **Vày S Pénh** vắng mặt*)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. *Tại đơn khởi kiện ghi ngày 03/5/2024 và trong quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:* Ngày 04/3/2022 **Ngân hàng TMCP V (V1)** với ông **Bùi Nguyên B** có ký kết hợp đồng cho vay số LN2201255154503, số tiền vay là 501.000.000đồng, thời hạn vay 96 tháng, từ ngày 15/3/2022 đến ngày 15/3/2030, mục đích vay thanh toán tiền mua xe ô tô nhãn hiệu NISSAN, ALMERA mới 100%, lãi suất tại thời điểm giải ngân là 9%/năm, cố định trong 12 tháng đầu, sau đó định kỳ điều chỉnh lãi suất 03 tháng/1 lần. Tài sản đảm bảo để thế chấp cho khoản vay trên là 01 (một) chiếc xe ô tô, nhãn hiệu NISSAN, số loại ALMERA, số khung MNTBAAN18Z0032373, số máy HRA0036843E, biển số 49A-470.80, thuộc quyền sở hữu sử dụng của ông **Bùi Nguyên B** và bà **Vày Sí P**, theo giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô do **Phòng C Công an tỉnh L** cấp ngày 14/3/2022.

Quá trình thực hiện hợp đồng ông **Bùi Nguyên B** và bà **Vày Sí P** đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ với **V1** từ ngày 15/12/2022, phía Ngân hàng đã nhiều lần liên hệ để yêu cầu thanh toán gốc và lãi vay quá hạn cho Ngân hàng nhưng ông **B**, bà **P** vẫn không thực hiện thanh toán nợ đúng hạn. Do bên vay không còn khả năng thanh toán nợ cho ngân hàng, do đó **V1** đã chuyển toàn bộ khoản vay sang nợ quá hạn và thông báo chấm dứt việc thực hiện đối với các Hợp đồng tín dụng trên, đồng thời tiến hành khởi kiện ông **B**, bà **P**.

Nay Ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông **B**, bà **P** phải trả cho **V1** một lần tổng số tiền là 579.148.057đồng, trong đó nợ gốc là 459.247.978đồng, nợ lãi tạm tính đến ngày 08/4/2024 là 119.900.079đồng. Yêu cầu tiếp tục duy trì biện pháp thế chấp đối với tài sản thế chấp là xe ô tô, nhãn hiệu NISSAN, biển số 49A-470.80 theo hợp đồng thế chấp số LN2201255154503 ký ngày 04/3/2022. Ngoài ra ông **B**, bà **P** phải thanh toán cho **V1** số tiền lãi quá hạn phát sinh theo quy định tại hợp đồng tín dụng đã ký cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ. Ngoài ra Ngân hàng không còn yêu cầu gì khác.

2. Bị đơn ông **Bùi Nguyên B** trình bày: Ngày 04/3/2022 ông **Bùi Nguyên B** có ký hợp đồng cho vay số LN2201255154503 với **Ngân hàng TMCP V** để vay số tiền vay 501.000.000đồng, thời hạn vay 96 tháng, từ ngày 15/3/2022 đến ngày 15/3/2030, mục đích vay thanh toán tiền mua xe ô tô nhãn hiệu NISSAN, ALMERA mới 100%, lãi suất tại thời điểm giải ngân 9%/năm, cố định trong 12 tháng đầu, sau đó định kỳ điều chỉnh lãi suất 3 tháng/1 lần. Tài sản đảm bảo để thế chấp cho khoản vay trên là 01 chiếc xe ô tô, nhãn hiệu NISSAN, số loại ALMERA, số khung MNTBAAN18Z0032373, số máy HRA0036843E, biển số 49A-470.80, thuộc quyền sở hữu, sử dụng của ông **B**, bà **P** theo giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô do **Phòng C Công an tỉnh L** cấp ngày 14/3/2022. Quá trình thực hiện hợp đồng do làm ăn gặp khó khăn, chưa bán được đất ở quê nên ông bà đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ cho **V1** từ ngày 15/12/2022.

Nay **Ngân hàng TMCP V** khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông bà thanh toán số tiền 596.077.086đồng, trong đó nợ gốc là 459.247.978đồng, nợ lãi tạm tính đến ngày 09/8/2024 là 136.829.108 đồng. Trả lãi phát sinh theo quy định tại hợp đồng tín dụng đã ký cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ và tiếp tục duy trì biện pháp thế chấp đối với tài sản đảm bảo là 01 (một) chiếc xe ô tô, nhãn hiệu NISSAN biển số 49A-470.80 thì ông **B** đồng ý. Tuy nhiên, do hiện nay hoàn cảnh kinh tế của ông gặp khó khăn, chưa bán được đất ở quê nên ông chưa có tiền để thanh toán cho Ngân hàng. Hiện nay xe biển số 49A-470.80 ông đang sử dụng đi làm kinh tế tại Bình Dương nên tài sản thế chấp không có tại **L** để tiến hành thẩm định tài sản thế chấp.

3. Bị đơn bà **Vàỵ Sí P** trình bày: Bà **Vàỵ Sí P** thống nhất với lời khai của ông **B**, hiện nay ông **B** đang cố gắng trả nợ cho Ngân hàng. Hiện nay xe ô tô 49A-470.80 do ông **B** đang trực tiếp quản lý sử dụng làm phương tiện đi lại nên ông **B** phải có trách nhiệm trả nợ cho Ngân hàng, do bà **P** và ông **B** là vợ chồng nên bà **P** có ký vào hợp đồng thế chấp nhưng bà **P** không sử dụng xe ô tô nên bà **P** không đồng ý trả nợ theo yêu cầu của Ngân hàng. Ngoài ra bà không trình bày và không yêu cầu gì khác.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng các bên không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án nên Tòa án triển khai đưa vụ án ra xét xử theo quy định.

Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu ông **Bùi Nguyên B**, bà **Vàỵ Sí P** phải trả cho Ngân

hàng số tiền 612.927.660đồng gồm nợ gốc là 459.247.978 đồng, nợ lãi 153.679.682đồng. Yêu cầu ông **B**, bà **P** tiếp tục chịu lãi phát sinh cho đến khi trả dứt điểm nợ cho Ngân hàng. Đồng thời, Ngân hàng yêu cầu duy trì biện pháp thế chấp theo hợp đồng thế chấp ngày 04/3/2022 đã ký giữa hai bên cho đến khi ông **B**, bà **P** trả dứt điểm nợ vay cho Ngân hàng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lâm Hà tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử, cụ thể: Thẩm phán đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự trong quá trình thụ lý và giải quyết vụ án. Tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng trình tự phiên tòa sơ thẩm theo quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự; các đương sự có mặt tại phiên tòa đã chấp hành đúng nội quy phiên tòa theo quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự. Đồng thời, đề nghị Hội đồng xét xử, chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của **Ngân hàng TMCP V** đối với ông **Bùi Nguyên B**. Buộc ông **Bùi Nguyên B** phải trả cho Ngân hàng số tiền 612.927.660đồng gồm nợ gốc là 459.247.978đồng, nợ lãi là 153.679.682đồng. Ông **Bùi Nguyên B** phải tiếp tục chịu tiền lãi suất theo hợp đồng tín dụng đã ký kết cho đến khi trả xong nợ cho Ngân hàng. Tiếp tục duy trì theo hợp đồng thế chấp số LN2201255154503 ngày 04/3/2022 giữa ông **B**, bà **P** và Ngân hàng cho đến khi ông **B** trả dứt điểm nợ vay cho Ngân hàng. Buộc ông **B** phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua các chứng cứ, tài liệu được thể hiện trong hồ sơ và kết quả thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận của đương sự tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa, ông **Bùi Nguyên B**, bà **Vàý Sí P** vắng mặt nhưng có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Vì vậy, căn cứ khoản 1 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt ông **Bùi Nguyên B**, bà **Vàý Sí P** theo thủ tục chung.

[2]. Về quan hệ tranh chấp: Ngày 04/3/2022 ông **Bùi Nguyên B** có ký hợp đồng cho vay số LN2201255154503 với **Ngân hàng TMCP V**, chi nhánh **T1** để vay số tiền 501.000.000đồng, thời hạn vay 96 tháng, thỏa thuận chịu lãi theo hợp đồng. Tuy nhiên, sau khi vay vốn thì ông **B** vi phạm nghĩa vụ trả lãi từ tháng 12/2022 nên Ngân hàng có đơn khởi kiện. Do vậy, căn cứ Điều 100, Điều

103 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2024; khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng Dân sự xác định đây là vụ án dân sự về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”. Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng Dân sự.

[3]. Về nội dung tranh chấp: Tại hợp đồng cho vay số LN2201255154503 ngày 04/3/2022 thể hiện bên cho vay là Ngân hàng TMCP V, chi nhánh T1 và bên vay là ông B, theo hợp đồng này Ngân hàng giải ngân cho ông B vay số tiền 501.000.000đồng, thời hạn vay 96 tháng, mục đích vay để thanh toán tiền mua xe ô tô nhãn hiệu NISSAN, ALMERA mới 100%, lãi suất tại thời điểm giải ngân là 9%/năm, cố định trong 12 tháng đầu. Quá trình giải quyết vụ án ông B đồng ý trả số nợ trên cho Ngân hàng nhưng ông B yêu cầu cho ông B thời gian để trả nợ còn bà P cho rằng nợ này ông B mua xe ô tô để ông B đi nên bà P không có trách nhiệm trả nợ.

Xét thấy, tại phiên tòa Ngân hàng xác định từ khi nhập thông tin online đến khi ký hợp đồng cho vay đều chỉ nhập thông tin của ông B, tại giấy đề nghị giải ngân ghi bên vay là ông B, số tiền đề nghị chuyển cho bên thụ hưởng là ông B và tại hợp đồng cho vay số LN2201255154503 ngày 04/3/2022 chỉ có một mình ông B ký vay, bà P không ký vào hợp đồng vay, mục đích vay để mua xe ô tô, tại giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 49 020000 tên chủ xe 49A-470.80 là ông B, xe này ông B thừa nhận ông B đã mang ra khỏi địa phương để đi lại. Như vậy, xe ô tô này là do một mình ông B làm thủ tục vay, không phải cả hai vợ chồng cùng làm thủ tục vay mua ô tô. Đồng thời, Ngân hàng thừa nhận sau khi vay xong thì hàng tháng ông B là người trả nợ thông qua tài khoản của ông B chứ bà P không trả nợ hàng tháng. Mặc dù, bà P có ký vào phiếu yêu cầu đăng ký biện pháp bảo đảm ngày 04/3/2022 (BL 06) và hợp đồng thế chấp số LN2201255154503 ngày 04/3/2022 (BL 15) là do bà P và ông B đang trong thời kỳ hôn nhân nên Ngân hàng yêu cầu ký, hợp đồng thế chấp chỉ đảm bảo cho nghĩa vụ tài sản trong hợp đồng vay nhưng hợp đồng chính là hợp đồng vay thì bà P không ký. Căn cứ Điều 3, Điều 37 Luật Hôn nhân và Gia đình thì giao dịch vay tiền nêu trên ông B, bà P không cùng nhau xác lập, việc mua xe ô tô không phải để phục vụ nhu cầu thiết yếu trong gia đình nên bà P không có nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng. Đồng thời, ông B cũng đồng ý trả nợ cho Ngân hàng, do đó căn cứ Điều 463, Điều 466 Bộ luật Dân sự 2015; Điều 100, Điều 103 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2024 cần chấp nhận một phần yêu cầu

khởi kiện của Ngân hàng, buộc ông **B** phải trả cho Ngân hàng số tiền 612.927.660 đồng gồm nợ gốc là 459.247.978 đồng, nợ lãi 153.679.682 đồng là phù hợp. Đồng thời, kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm ông **B** còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng đã ký cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc cho Ngân hàng là phù hợp.

[4]. Đối với việc Ngân hàng yêu cầu tiếp tục duy trì hợp đồng thế chấp số LN2201255154503 ngày 04/3/2022 để bảo đảm nghĩa vụ cho hợp đồng cho vay số LN2201255154503 ngày 04/3/2022 của ông **B** tại ngân hàng thì thấy rằng: Ông **B**, bà **P** đều thừa nhận có ký hợp đồng thế chấp nêu trên, tài sản thế chấp là xe ô tô nhãn hiệu NISSAN, ALMERA biển số 49A-470.80 theo giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 49 020000 tên chủ xe 49A-470.80 là ông **Bùi Nguyên B**. Xét thấy, việc ông bà thế chấp tài sản là hoàn toàn tự nguyện, ông **B** thế chấp tài sản là ô tô của mình để vay tiền, việc thế chấp ô tô đã được đăng ký giao dịch bảo đảm, giấy tờ của xe ô tô do Ngân hàng đang quản lý, xe ô tô do bên vay sử dụng. Tòa án xác minh tại địa phương và làm việc với bà **P** thì được biết ô tô hiện đang không có tại địa phương, ông **B** khẳng định ông đã mang đi làm ăn xa không đưa về được nên không thể tiến hành thẩm định, định giá để làm căn cứ giải quyết vụ án. Tuy nhiên, hợp đồng vay và hợp đồng thế chấp tài sản tuân thủ đầy đủ quy định pháp luật trong quá trình ký kết, hợp đồng có hiệu lực pháp luật thì việc không xác định được ô tô là tài sản thế chấp ở đâu tại thời điểm tranh chấp không làm vô hiệu hợp đồng vay và hợp đồng thế chấp. Do vậy, cần tiếp tục duy trì hợp đồng thế chấp số LN2201255154503 ngày 04/3/2022 giữa bên thế chấp là ông **B**, bà **P** và bên nhận thế chấp là **Ngân hàng TMCP V, chi nhánh T1** cho đến khi ông **B** trả hết nợ cho Ngân hàng là phù hợp.

[5]. Về án phí: Do chấp nhận yêu cầu khởi kiện của **Ngân hàng TMCP V** nên buộc ông **B** phải chịu 28.517.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm trên số tiền ông **B** phải trả cho Ngân hàng. Hoàn trả cho **Ngân hàng TMCP V** số tiền tạm ứng án phí mà Ngân hàng đã tạm nộp.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 157, Điều 227, Điều 228, Điều 235 và Điều 266 Bộ luật tố tụng Dân sự;

Căn cứ Điều 100, Điều 103 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2024;

Căn cứ các Điều 317, Điều 318, Điều 319, Điều 320, Điều 463, Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP V về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” đối với ông Bùi Nguyên B.

Buộc ông Bùi Nguyên B phải trả cho Ngân hàng TMCP V số tiền 612.927.660 đồng (Sáu trăm mười hai triệu, chín trăm hai mươi bảy ngàn, sáu trăm sáu mươi đồng) gồm nợ gốc: 459.247.978 đồng, nợ lãi 153.679.682 đồng. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm ông Bùi Nguyên B còn phải tiếp tục chịu lãi phát sinh theo hợp đồng cho vay số LN2201255154503 ngày 04/3/2022 đã ký cho đến khi ông Bùi Nguyên B trả nợ dứt điểm cho Ngân hàng.

Tiếp tục duy trì hợp đồng thế chấp số LN2201255154503 ngày 04/3/2022 giữa bên thế chấp là ông Bùi Nguyên B, bà Vây Sí P và bên nhận thế chấp là Ngân hàng TMCP V, chi nhánh T1 cho đến khi ông Bùi Nguyên B trả dứt điểm nợ cho Ngân hàng TMCP V.

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP V về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” đối với bà Vây Sí P.

3. Về án phí: Buộc ông Bùi Nguyên B phải chịu 28.517.000 đồng (Hai mươi tám triệu, năm trăm mười bảy ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP V số tiền 13.582.000 đồng (Mười ba triệu, năm trăm tám mươi hai ngàn đồng) tạm ứng án phí mà Ngân hàng TMCP V đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004743 ngày 30/5/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều

6,7,7a,7b và 9 Luật thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án Dân sự”.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (12/9/2024) các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo. Riêng các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lâm Đồng (02);
- VKSND huyện Lâm Hà;
- Chi cục THADS huyện Lâm Hà;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, BP.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trịnh Đoàn Hạnh Trang